

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/DS-PT

Ngày 31-7-2020

V/v: Yêu cầu công nhận hợp đồng  
chuyển nhượng quyền sử dụng đất,  
tranh chấp quyền sử dụng đất và tài  
sản trên đất.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Đức Châm;

*Các Thẩm phán:* Bà Chu Lệ Hương;

Ông Lộc Sơn Thái.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Lăng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2020/TLPT-DS, ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc: Yêu cầu công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 57/2020/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2020 và Thông báo chuyển ngày xét xử số 66/2020/TB-TDS ngày 13/7/2020; giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Hà Văn Đ, cư trú tại: Thôn Pò Nâm, xã Tam Gia, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Chu Bích T, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

**- Bị đơn:** Ông Lành Văn T, cư trú tại: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Chu Thị Nguyễn P, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Theo Quyết định số 188/QĐ-TGPL ngày 12/5/2020, về việc cử Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng; có mặt.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:** Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

*Người đại diện theo ủy quyền của UBND xã T, huyện L:* Ông Nông Văn H - Công chức địa chính xã T, theo giấy ủy quyền ngày 13- 01-2020; vắng mặt.

*- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Văn T - Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện L, theo giấy ủy quyền ngày 01-11-2019; vắng mặt.

2. Bà Lương Thị N; vắng mặt;

3. Bà Hoàng Thị T; (đã chết).

4. Bà Vi Thị H; có mặt;

Cùng cư trú tại: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

5. Bà Lành Thị C; vắng mặt;

6. Anh Hà Văn V; có mặt;

7. Anh Hà Văn Đ; có mặt;

9. Chị Hoàng Thị C; vắng mặt;

Cùng cư trú tại: Thôn P xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

10. Ông Vi Văn S; cư trú tại: Thôn 5, xã Q huyện T, tỉnh Đắk Nông.; vắng mặt.

*- Người kháng cáo:* Ông Lành Văn T, là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Bản án dân sự sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Hà Văn Đ và ông Lành Văn T tranh chấp với nhau về quyền sử dụng đất, diện tích 22.148m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 348, LB, thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (theo mảnh trích đo số 61 ngày 11/11/2019 của Trung tâm công nghệ thông tin - Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Lạng Sơn), trên đất có 118 cây thông và 44 cây hồi.

Nguyên đơn ông Hà Văn Đ và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía ông Hà Văn Đ là bà Lành Thị C, anh Hà Văn V, anh Hà Văn Đ, chị Hoàng Thị C, trình bày: Gia đình ông Hà Văn Đ có thửa đất rừng hồi tại rừng LB, thuộc địa phận giáp danh giữa hai thôn C1 và C2, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nguồn gốc đất tranh chấp là do ông Hà Văn Đ mua với ông Vi Văn S cùng thôn vào ngày 09/6/1996. Thời điểm mua đất rừng, trên đất đã có cây hồi do ông Vi Văn S trồng, một số cây thông tự mọc và cây tự nhiên nhưng hai bên thỏa thuận không ghi vào giấy mua bán. Năm 1995, 1996 gia đình ông Vi Văn S trích nhựa thông trên đất tranh chấp. Từ năm 1996, sau khi mua rừng hồi của ông Vi Văn S, ông cho em cậu là Lành Văn H; cư trú tại: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, trích nhựa thông liên tục đến năm 2003. Năm 2009, ông bắt gặp anh Hoàng Văn P vào đất rừng tranh chấp treo túi cạo nhựa thông, ông đã yêu cầu dừng lại và tháo dỡ túi, anh Hoàng Văn P đã tháo túi. Từ năm 2010 đến năm 2015 gia đình ông tiếp tục cạo

nhựa thông, không thấy ai tranh chấp. Đến năm 2016 thì có gia đình ông Lành Văn T vào rừng của ông cạo nhựa thông thì xảy ra tranh chấp. Đất rừng đang tranh chấp gia đình ông chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ). Ông Hà Văn Đ đề nghị Tòa án công nhận "Giấy bán rừng hồi ngày 09/02/1996" giữa ông và ông Vi Văn S là hợp pháp, yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp là 22.148m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 348, LB, thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (theo mảnh trích đo số 61 ngày 11/11/2019 của Trung tâm công nghệ thông tin Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Lạng Sơn) và sở hữu toàn bộ cây trên đất, gồm: 118 cây thông và 44 cây hồi theo biên bản thẩm định định giá ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

Bị đơn ông Lành Văn T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía ông T là bà Lương Thị N, bà Hoàng Thị T, bà Vi Thị H trình bày: Đất tranh chấp giữa gia đình ông và ông Hà Văn Đ có địa danh là: Đồi T, ông không biết thuộc thửa đất số bao nhiêu, sau khi Tòa án đi thẩm định thì ông mới biết đất tranh chấp có diện tích 22.148m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 348, thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (theo mảnh trích đo số 61 ngày 11/11/2019 của Trung tâm công nghệ thông tin Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Lạng Sơn); trên đất tranh chấp có 118 cây thông và 44 cây hồi. Các cây hồi là gia đình ông trồng từ năm 1992, trên đất có khoảng hơn 60 cây thông tự mọc tái sinh. Năm 1993 gia đình ông đi khai thác nhựa thông; năm 2003 ông cho ông Hoàng Văn P khai thác nhựa thông rồi chia đôi lợi nhuận, từ đó gia đình ông vẫn tiếp tục cạo nhựa thông. Đến năm 2018 thì ông Hà Văn Đ tranh chấp rừng T với gia đình ông; gia đình ông chưa được cấp GCNQSDĐ. Nay ông yêu cầu được quản lý sử dụng toàn bộ đất và tài sản có trên đất tranh chấp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên ông Vi Văn S khai: Năm 1996 ông có được bán đất rừng cho ông Hà Văn Đ và bán ruộng cho ông Lành Văn B (bố ông Lành Văn T). Diện tích đất rừng mà ông Vi Văn S bán cho ông Hà Văn Đ chính là diện tích đất rừng ông Hà Văn Đ và ông Lành Văn T đang tranh chấp. Ruộng mà ông Vi Văn S bán cho gia đình ông Lành Văn T là ở phía dưới rừng của ông Hà Văn Đ. Gia đình ông Lành Văn T không có đất rừng gần khu vực tranh chấp giữa ông Hà Văn Đ và ông Lành Văn T, khi bán đất rừng cho ông Hà Văn Đ thì trên đất đã có cây thông và cây hồi, cây hồi là do ông S trồng, trồng năm nào ông không nhớ nữa, cây Thông là tự mọc, lúc đó cây thông chưa có giá trị, nên viết giấy chỉ kiểm đếm cây hồi, không ghi cây thông trong giấy chuyển nhượng đất với ông Hà Văn Đ. Về nguồn gốc đất rừng ông Vi Văn S bán cho ông Hà Văn Đ là đất ông cha ông Vi Văn S khai phá nhưng không có giấy tờ về đất. Do ông Vi Văn S ở xa nên ông đề nghị Tòa án giải quyết xử vắng mặt và ông giữ nguyên các ý kiến đã trình bày, không có ý kiến bổ sung.

Quan điểm của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: UBND xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn: UBND xã tổ chức hòa giải giữa ông Hà Văn Đ và ông Lành Văn T; do sơ suất nên UBND xã đã xác định sai số thửa và loại đất tranh chấp trong biên bản xác minh thực địa. Sau khi Tòa án đi thẩm định, đo đạc UBND xã T mới biết diện tích đất tranh chấp giữa ông Hà Văn Đ và ông Lành Văn T là thuộc 1 phần thửa số 348 và là đất rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền của

UBND xã T. Do vậy, UBND xã T yêu cầu được tiếp tục quản lý diện tích đất tranh chấp theo quyết định giao đất rừng phòng hộ của UBND tỉnh Lạng Sơn.

Quan điểm của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn: Diện tích đất tranh chấp thuộc 1 phần thửa đất số 348, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện L; địa danh: TL, LB, thôn K, xã T huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Theo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Lộc Bình được UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt tại Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 mục đích sử dụng đất là rừng phòng hộ; theo kế hoạch sử dụng đất năm 2019 được UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt tại Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 mục đích sử dụng đất là đất rừng phòng hộ (RPH).

Tại quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 19/8/2014 của UBND tỉnh Lạng Sơn diện tích đất tranh chấp có rừng và đất rừng phòng hộ đã được giao cho UBND xã T quản lý. Diện tích đất tranh chấp giữa các đương sự là đất rừng phòng hộ chưa giao, chưa cho thuê. UBND tỉnh Lạng Sơn giao cho UBND xã T quản lý; UBND xã có thể xem xét giao khoán cho hộ gia đình, cá nhân để quản lý sử dụng; tài sản trên đất được phép tồn tại, khi khai thác phải theo đúng quy định.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2010/DS-ST, ngày 20/04/2020, của TAND huyện Lộc Bình đã quyết định;

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 13, 136, Luật đất đai năm 2013; Điều 160, 161, 163, 189, 468 của Bộ luật Dân sự; 55, 73, 74, 76, 81 điều 102 Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2017; điểm đ khoản 1 điều 12, khoản 1, 6 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### 1. Về quyền sử dụng đất:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Hà Văn Đ về việc yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 22.148 m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 348, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, là đất rừng phòng hộ, thuộc địa danh LB, thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vì không có căn cứ.

1.2. UBND xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn tiếp tục quản lý diện tích đất tranh chấp là 22.148m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 348, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, là đất rừng phòng hộ, thuộc địa danh: LB, thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 19-8-2014 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

Diện tích đất tranh chấp có vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Bắc giáp rừng ông Lành Đa P có cạnh dài: 45,9m + 34,5m + 48,3m + 39,7m; Phía Đông giáp rừng ông Hà Văn Đ có cạnh dài: 13,5m + 8,8m + 8,8m ; Phía Nam giáp rừng ông Hà Văn Đ có cạnh dài 28,4m + 39,1m + 51,3m + 35,3 m + 31,6 m + 17,7m + 14,5m + 17,8m; Phía Tây giáp đường mòn, nhà và ruộng ông Triệu Phúc

T có cạnh dài: 10,3m + 40,8m + 41,9m + 24,5m + 20,7m + 13,6m + 11,9m + 23,4m + 25,7 m + 13,4m + 16,5m + 39,4m + 18,1m + 14,2m + 12,5m.

*(Diện tích, kích thước, vị trí tiếp giáp của đất tranh chấp theo mảnh trích đo số 61 ngày 11/11/2019 của Trung tâm công nghệ thông tin - Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Lạng Sơn, kèm theo bản án)*

2. Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu công nhận giấy bán rừng hồi ngày 09-02-1996 là hợp pháp của ông Hà Văn Đ

3. Về tài sản trên đất :

Ông Hà Văn Đ được quyền quản lý, sở hữu toàn bộ tài sản có trên đất tranh chấp thuộc 1 phần thửa đất số 348, là đất rừng phòng hộ, tại địa danh Lục Bon, thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn bao gồm: 70 cây thông có đường kính gốc 10-20cm; 25 cây thông đường kính gốc từ trên 20 cm đến dưới 30cm, cây thông có đường kính gốc trên 30cm có 23 cây; có 04 cây hồi đường kính gốc từ 3 đến dưới 5 cm, 12 cây hồi có đường kính gốc từ 5 đến dưới 10 cm, 28 cây Hồi có đường kính gốc từ trên 10cm đến dưới 20cm. Tổng trị giá tài sản là 22.774.000 đồng. Việc khai thác các cây trên đất rừng phòng hộ được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định: Ngày tháng 28/4/2020 ông Lành Văn T nộp đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết: Yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp và toàn bộ tài sản (cây cối) trên đất cho gia đình ông Lành Văn T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lành Văn T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Kháng cáo của ông Lành Văn T lập trong thời gian luật định nên kháng cáo hợp lệ. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự tại phiên tòa thấy cấp sơ thẩm đã thu thập tài liệu, chứng cứ đầy đủ. Nguyên đơn là người quản lý, sử dụng đất rừng hợp pháp từ khi nhận chuyển nhượng cho đến nay, nguyên đơn có giấy tờ mua bán rừng với ông Vi Văn S. Theo lời khai ông Vi Văn S thừa nhận được bán đất rừng Lục Bon cho ông Hà Văn Đ trên đất đã có cây hồi và cây thông do lúc đó chưa có giá trị nên không ghi vào giấy tờ mua bán. Bị đơn ông Lành Văn T cho rằng đất tranh chấp do cha ông khai phá từ năm 1992 nhưng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh đất tranh chấp là của ông Lành Văn T. Do đó, kháng cáo của ông Lành Văn T không có cơ sở để chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lành Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm, sửa về phần lời tuyên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Đơn kháng cáo của ông Lành Văn T nộp ngày 28/4/2020 trong thời hạn luật quy định nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Những người này đã có lời khai, bản tự khai hoặc ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng, có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đều thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án. Sau khi hội ý Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của ông Lành Văn T yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp và toàn bộ tài sản (cây cối) trên đất.

[4] Hội đồng xét xử, xét thấy: Diện tích đất tranh chấp thuộc 1 phần thửa đất số 348, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện L; địa danh: TL, LB, thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn được UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt tại Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 19/8/2014 diện tích đất tranh chấp 22.148 m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa số 348, LB, thôn K, xã T, huyện L là đất rừng phòng hộ được UBND tỉnh Lạng Sơn giao cho UBND xã Tam Gia quản lý và UBND xã có thể xem xét giao khoán cho hộ gia đình, cá nhân để quản lý sử dụng; tài sản trên đất được phép tồn tại, khi khai thác phải theo đúng quy định; Theo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Lộc Bình được UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt tại Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 mục đích sử dụng đất là rừng phòng hộ; theo kế hoạch sử dụng đất năm 2019 được UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt tại Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 mục đích sử dụng đất là đất rừng phòng hộ (RPH). Như vậy, các đương sự tranh chấp nhau về việc yêu cầu được quản lý, sử dụng đất rừng phòng hộ là không có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên, xét thấy: UBND huyện L thực hiện việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất rừng phòng hộ sau khi gia đình ông Hà Văn Đ mua bán đất rừng với gia đình ông Vi Văn S nên xác định tài sản trên đất là cây hồi và cây thông là của hộ gia đình ông Hà Văn Đ, đề nghị UBND xã có thể xem xét giao khoán cho hộ gia đình ông Hà Văn Đ tiếp tục quản lý sử dụng; tài sản trên đất được phép tồn tại, khi khai thác phải theo đúng quy định;

[5] Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/10/2019, đất tranh chấp có diện tích là 22.148 m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa số 348, LB, thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (theo mảnh trích đo số 61 ngày 11/11/2019 của Trung tâm công nghệ thông tin Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Lạng Sơn), trên đất có 118 cây thông và 44 cây hồi. Theo lời khai của ông Hà Văn Đ và ông Vi Văn S đất tranh chấp là của ông Vi Văn S bán cho ông Hà Văn Đ năm 1996, khi bán trên đất đã có cây hồi do ông Vi Văn S trồng và các cây thông mọc tự nhiên, việc mua bán có giấy tờ viết tay đề "*giấy bán rừng hồi ngày 09/02/1996*" nên ông Hà Văn Đ yêu

cầu tiếp tục được quản lý, sử dụng đất tranh chấp. Ông Lành Văn T cho rằng đất rừng tranh chấp là do gia đình ông trồng hồi từ năm 1992, trên đất có khoảng hơn 60 cây thông tự mọc tái sinh, năm 2003 ông cho ông Hoàng Văn P khai thác nhựa thông rồi chia đôi lợi nhuận, sau đó gia đình ông vẫn tiếp tục cạo nhựa thông. Đến năm 2018 thì ông Hà Văn Đ tranh chấp. Ngoài lời khai của ông Lành Văn T ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc quản lý sử dụng đất tranh chấp là có căn cứ, những người làm chứng của ông Lành Văn T là ông Đình Văn B, Hoàng Thị S, Hoàng Văn T đều có quan hệ họ hàng với gia đình ông Lành Văn T và cho rằng đất tranh chấp là của ông Lành Văn T nên không có tính khách quan; theo lời khai của người làm chứng ông Lành Văn C, ông Nông Văn C đều khai đất tranh chấp là của ông Hà Văn Đ mua của ông Vi Văn S. Theo Giấy mua bán rừng hồi của ông Hà Văn Đ ngày 09/02/1996, thể hiện có 11 cây hồi to, 300 cây hồi nhỏ có xác nhận của chính quyền xã T, huyện L; căn cứ vào lời khai ông Vi Văn S ngày 13/12/2019 ông Vi Văn S khai nhận được bán rừng hồi L cho ông Hà Văn Đ trên đất có các cây hồi thể hiện trong giấy mua bán và nhiều thông nhỏ nên không ghi vào giấy mua bán; đây là tài liệu chứng cứ do người bán khai nhận trực tiếp, là tình tiết không cần chứng minh. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lành Văn T khai nhận cây hồi trồng trên đất tranh chấp là do ông trồng năm 1992, Hội đồng xét xử hỏi ông Lành Văn T có yêu cầu giám định tuổi cây không thì ông Lành Văn T đã từ chối giám định tuổi cây. Do vậy, xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông Lành Văn T là không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Tuy nhiên về phần lời tuyên quyết định của bản án chưa phù hợp cần sửa lại lời tuyên cho phù hợp.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Lành Văn T không được chấp nhận nên phải chịu 300.000, đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng do ông Lành Văn T là dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa vùng có đặc điểm tình hình kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên theo quy định của pháp luật ông Lành Văn T được miễn toàn bộ án phí.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lành Văn T; giữ Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2010/DS-ST, ngày 20/04/2020, của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, sửa về phần lời tuyên; cụ thể:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 13, 136, Luật đất đai năm 2013; Điều 160, 161, 163, 189, 375, 468 của Bộ luật Dân sự; 55, 73, 74, 76, 81 điều 102 Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2017; điểm đ khoản 1 điều 12, khoản 1, 6 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quyền sử dụng đất: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn Đ yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 22.148m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 348, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T; địa danh: LB, thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu đòi được quyền sở hữu các cây trồng trên đất, gồm: 118 cây thông; 44 cây hồi các loại.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Lành Văn T đòi quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 22.148m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 348, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T; địa danh: LB, thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu đòi quyền sở hữu các cây trồng trên đất, gồm: 118 cây thông; 44 cây hồi các loại vì không có căn cứ để chấp nhận.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn yêu cầu tiếp tục được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 22.148m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 348, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, là đất rừng phòng hộ; địa danh: LB, thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 19/8/2014 của UBND tỉnh Lạng Sơn và Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc giao quyền sử dụng đất rừng phòng hộ (RPH) cho Ủy ban nhân dân xã T quản lý; đất tranh chấp có vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Bắc giáp rừng ông Lành Đa P có cạnh dài: 45,9m + 34,5m + 48,3m + 39,7m; Phía Đông giáp rừng ông Hà Văn Đ có cạnh dài: 13,5m + 8,8m + 8,8m; Phía Nam giáp rừng ông Hà Văn Đ có cạnh dài 28,4m + 39,1m + 51,3m + 35,3 m + 31,6 m + 17,7m + 14,5m + 17,8m; Phía Tây giáp đường mòn, nhà và ruộng ông Triệu Phúc T có cạnh dài: 10,3m + 40,8m + 41,9m + 24,5m + 20,7m + 13,6m + 11,9m + 23,4m + 25,7 m + 13,4m + 16,5m + 39,4m + 18,1m + 14,2m + 12,5m.

*(Diện tích, kích thước, vị trí tiếp giáp của đất tranh chấp theo mảnh trích đo số 61 ngày 11/11/2019 của Trung tâm công nghệ thông tin Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Lạng Sơn, kèm theo bản án).*

4. Về tài sản trên đất: Ông Hà Văn Đ được quyền khai thác, quản lý, sử dụng, toàn bộ tài sản trên diện tích đất tranh chấp 22.148m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 348, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T; trong đó có 118 cây thông 44 cây hồi. Việc khai thác các cây trên đất rừng phòng hộ được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ.

5. Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu công nhận giấy bán rừng hồi hợp pháp đề ngày 09/02/1996 của ông Hà Văn Đ, do ông Hà Văn Đ rút yêu cầu.

6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Ông Hà Văn Đ phải chịu 12.450.000,đồng (mười hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng); xác nhận ông Hà Văn Đ đã nộp đủ số tiền. Ông Lành Văn T phải chịu 2.550.000,đồng, do ông Hà Văn Đ đã tạm ứng trước số tiền để chi nên buộc ông Lành Văn T có



nghĩa vụ phải trả lại cho ông Hà Văn Đ số tiền 2.550.000,đồng (hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự.

7. Về án phí: Ông Hà Văn Đ và ông Lành Văn T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Lộc Bình, Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS vụ án; HCTP; KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Đức Châm**

**CÁC THẨM PHÁN THÀNH VIÊN      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Lệ Hường**

**Lộc Sơn Thái**

**Hồ Đức Châm**

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Đình Lập, Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA; TDS; HCTP; KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Đức Châm**